

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liên

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1072/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1980. Thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tạm trú: đường E, phường F, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1980. Thường trú: đường I, Phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngô Văn H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Kim T kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106/P08, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6/8/2007. Trong quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, bất hòa với nhau. Sau nhiều lần tự hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Hiện nay, ông và bà T không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung là Ngô Gia H1, sinh ngày 5/11/2007 do bà T đang trực tiếp nuôi. Ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị Kim T khai tại bản tự khai ngày 8/12/2017 như sau: “Chúng tôi sống chung vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu chung sống, cuộc sống của chúng tôi hạnh phúc. Từ năm 2013, chúng tôi bận công việc, đi làm ăn xa nhà và tính cách cũng thay đổi nên vợ chồng hay bất hòa, cãi vã với nhau không hòa thuận được, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Trong thời gian ly thân, chúng tôi không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người ấy lo, kinh tế không phụ thuộc, liên quan. Qua trình bày trên, tôi yêu cầu được ly hôn ông Ngô Văn H để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung là Ngô Gia H1, sinh ngày 5/11/2007 hiện do tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi con. Tôi đồng ý việc ông H không cấp dưỡng nuôi con và tôi cũng không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết”.

Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 8/12/2017, bà T có nêu: “Tôi đã trình bày toàn bộ nội dung liên quan đến vụ án và các yêu cầu hợp pháp của mình tại bản tự khai, vì bận công việc nên tôi không thể trực tiếp tham gia vụ án được. Vì vậy, tôi đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, xét xử của Tòa án”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin ly hôn đối với bị đơn, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại quận Tân Bình, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 106/P08, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6/8/2007 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn là hợp pháp.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, mạnh ai người nấy sống không còn tình cảm quan tâm đến nhau. Những mâu thuẫn này làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn cùng thống nhất giao con chung là cháu Ngô Gia H1, sinh ngày 5/11/2007 cho bị đơn nuôi dưỡng, cháu H1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Việc thỏa thuận của đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Luật Hôn nhân và gia đình. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà T không yêu cầu.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do nguyên đơn chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Ngô Gia H1, sinh ngày 5/11/2007 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007127 ngày 8/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận

- TAND TP.HCM;
- THADS Q.TB;
- UBND Phường K, quận M,
Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Thương